

Lược sử sáng tác về đề tài *Tam Quốc* - hay là một hình dung tự sự liên loại thể

Lê Thời Tân*

Ban Đào tạo, ĐHQGHN

Nhận ngày 05 tháng 10 năm 2011

Tóm tắt. *Tam Quốc* (chỉ chung các bản khắc in các văn bản có tính cách truyện kể liên quan đến thời đại Tam Quốc) là ví dụ tiêu biểu cho mối tương tác hết sức phức tạp giữa chính sử, dã sử, văn học viết hư cấu, văn chương dân gian và sinh hoạt văn hoá bình dân diễn ra trong một truyền thống văn hoá lớn - truyền thống Trung Hoa kéo dài qua bao thời đại. Tập đại thành của cuộc tương tác đó chính là *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Lược sử các sáng tác tự sự về đề tài Tam Quốc chỉ có thể được viết tốt hơn khi ta hình dung toàn bộ các sáng tác đó như là một đại tự sự liên loại thể. Cả từ *tự sự* và *loại thể* ở đây luôn được hiểu theo nghĩa rộng, chúng có thể chỉ bất cứ dạng “văn bản” nào miễn là đang chuyển tải thông tin về đề tài Tam Quốc đến cho ta trong tính cách là kể tiếp nhận văn hóa nghe-đọc-xem.

Từ khóa: Tam Quốc, tự sự, liên loại thể, liên văn bản.

Tam Quốc - từ này dùng trong tiếng Việt khi chỉ tên một bộ sách thường được hiểu như là một cách gọi văn tắt tiêu thuyết chương hồi *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Thế nhưng trong tiếng Trung nó dường như lại là một cách dùng để chỉ chung các bản khắc in các bộ sách có tính cách truyện kể mà đầu đề chỉ ít có từ “Tam Quốc”.

Các học giả Trung Quốc đi đầu trong việc sưu tầm các bản khắc in *Tam Quốc* (gọi là cự bản) khác nhau như Mã Liêm, Trịnh Chấn Đạc và Tôn Khải⁽¹⁾ đã lần lượt phát hiện được “Gia

Tĩnh Nhâm Ngô bản”, “Lí Trác Ngô bình bản”, “Lí Lạp Ông bình bản” và rất nhiều bản khắc in dưới thời Minh Vạn Lịch. Năm 1929, Mã Liêm công bố *Điều tra tình hình các bản in Tam Quốc Diễn Nghĩa đời cổ*⁽²⁾. Điều tra cho biết không kể *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* bản của cha con Mao Luân-Mao Tôn Cương được in nhiều lần từ Minh cho đến Thanh, còn có 16 loại văn bản *Tam Quốc* khác nhau chủ yếu khắc in dưới Minh. Cho đến lúc xuất bản *Trung Quốc thông tục tiểu thuyết thư mục* (1933), Tôn Khải đã nâng con số đó lên tới 23 loại. Con số đó đương nhiên còn phải thay đổi. Năm 1941, Đới Vọng Thư phát hiện thư viện một tu viện ở Tây Ban Nha có tàng bản in *Tam Quốc* đời Gia Tĩnh nhan đề *Tân San Án Giám Hán Phổ Tam Quốc Chí Truyện Hội Tượng Túc Bản Đại Toàn*

* ĐT: 0983 075 618

Email: lethoitan@gmail.com

⁽¹⁾ Cũng nên kể đến sự kiện học giả Nhật Bản Sionioia On (Diêm Cốc Ôn) năm 1924 phát hiện từ kho sách Nhật Bản nội các văn khố (Neikakubunko) bản *Chí Trị tân san toàn tướng bình thoại Tam Quốc chí* gây chú ý lớn trong giới học thuật.

⁽²⁾ *Bắc Bình đồ thư quán nguyệt san*, kì 5, 1929.

(Thư lâm Diệp Phùng Xuân khắc in). Cho đến nay, thống kê các bản (truyện) Tam Quốc khắc in dưới thời Minh đã lên tới 30 loại. Trong đó bản khắc in năm Nhâm Ngọ đời Minh Gia Tĩnh nhan đề *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* được xem là bản khắc in cổ nhất hiện tồn. Bản này thường được xem là gần nhất với nguyên tác của La Quán Trung, hoặc có thể chính là nguyên tác của La Quán Trung. Thế nhưng người ta cũng phát hiện thấy trong số rất nhiều bản *Tam Quốc* khắc in trong thời gian từ đời Gia Tĩnh cho đến đời Thiên Khải có nhiều bản nhan đề *Tam Quốc Chí Truyện* bên cạnh các bản nhan đề *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Như vậy cho đến nay có thể xếp các bản *Tam Quốc* vào ba hệ thống: 1- “Tam Quốc Thông Tục Diễn Nghĩa”, 2- “Tam Quốc Chí Truyện” và 3- “Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa”.

Cụ thể có thể nói bản “Gia Tĩnh Nhâm Ngọ bản” chẳng hạn, thuộc hệ thống 1; *Tam Quốc Chí* (in trong *Anh Hùng Phổ* đời Minh Sùng Trinh) chẳng hạn, thuộc vào hệ thống 2; Bản cha con Mao Tôn Cương thuộc hệ thống 3.

Việc xếp bản in các loại văn bản *Tam Quốc* qua các thời vào ba nhóm như mô tả trên đây của chúng tôi chẳng qua chỉ là một cách hệ thống hoá mà thôi. Hệ thống đó tránh đi sâu vào thuyết minh các vấn đề mà cho đến nay vẫn chưa có được đáp án cuối cùng như văn bản nào có trước, văn bản nào phái sinh, thời điểm sáng tác và “tác quyền” cụ thể.

Mặc dù thế, chúng ta vẫn không ngại sắp xếp tất cả theo một trục lịch đại để trên đại thể có được một cái gọi là lược sử sáng tác về đề tài *Tam Quốc*. Nếu ta coi *Tam Quốc Diễn Nghĩa* như một tập đại thành của cả một truyền thống văn hóa truyện kể Tam Quốc và lấy đó làm điểm xuất phát cho việc nhìn ngược lại lịch sử các sáng tác liên quan đề tài Tam Quốc thì tựu trung có thể mô tả đại lược quan hệ của các loại văn bản liên quan đề tài Tam Quốc như sau:

Thoại bản, giảng sử⁽³⁾ về đề tài Tam Quốc thời Tống-Nguyên được xem là cơ sở nền tảng của *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, trong lúc bộ sử *Tam Quốc Chí* của Trần Thọ (gồm cả chú giải của Bùi Tùng Chi)⁽⁴⁾ được xem là căn cứ trực tiếp của bộ tiểu thuyết⁽⁵⁾. Bên cạnh đó truyền thuyết dân gian về đời Tam Quốc cũng trở thành một nguồn mạch tổng hợp, tham khảo quan trọng.

Về kí tải chính sử, rõ ràng La Quán Trung không chỉ sử dụng mỗi tài liệu từ Trần Thọ và Bùi Tùng Chi. Trong số chính sử mà ông tham bác còn phải đặc biệt nhắc đến *Tư Trị Thông Giám* của Tư Mã Quang. Trong đầu đề một số

⁽³⁾ Một số học giả Trung Quốc giữ quan điểm cho rằng *chương hồi* bắt nguồn từ *giảng sử* và là cầu nối từ đoàn thiên tiểu thuyết sang trường thiên tiểu thuyết. Những *thoại bản* lưu hành trong thời Tống Nguyên hiện tồn, ngoài *Ngũ đại bình sử* còn hai bộ *Đại Tống Tuyên Hoà di sự* và *Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh kí. Đại Tống Tuyên Hoà di sự* cũng thuộc thể giảng sử.

⁽⁴⁾ Bùi Tùng Chi hoàn thành công trình bình chú *Tam Quốc Chí* vào khoảng 729 theo lệnh của vua Văn Đế (Tống). Phần chú giải bổ sung dày gấp bội so với cuốn sử của Trần Thọ. Những tài liệu mà Bùi dùng cho chú dẫn phần lớn đã thất truyền. Như B.L.Riftin (*Sử thi lịch sử và truyền thống văn học dân gian Trung Quốc*, Phan Ngọc dịch từ nguyên bản tiếng Nga, Nxb.Thuận Hoá-Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây) đã chỉ ra, chuyện Tam Quốc kể từ khi nó diễn ra để rồi trở thành đề tài của chính sử tính cho đến thời Tư Mã Quang, Chu Hy đã đi qua quãng thời gian 1700 năm.

⁽⁵⁾ Thử cắt nghĩa nhan đề “Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa” như sau: “Diễn nghĩa thông tục sử Tam Quốc”, tức có thể viết *Tam Quốc Chí thông tục diễn nghĩa* (trong tên sách có tên sách). Đến thời Thanh, khi tiểu thuyết chương hồi đã phổ biến, *diễn nghĩa* đã trở thành một truyền thống của tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa, Mao Tôn Cương sau khi tu định nhuận sắc “Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa” tự cảm thấy đã tới hồi nên bỏ đi hai chữ “thông tục” và định danh nhan đề công trình của mình là *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Theo chúng tôi, đó là một cách *nêu danh*, chứ không còn là một cách *đặt lại* đầu đề hay *gọi gọn, gọi tắt* của một tài tử nhân đã tham gia hoàn thiện một “tài tử thư” (công trình của Mao đề *Đệ nhất tài tử thư Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*). Đương nhiên, đây cũng chỉ là một cách “thử cắt nghĩa”. Không có chứng cứ gì để đảm bảo mấy chữ “Tam Quốc Chí” trong đầu đề tiểu thuyết La Quán Trung bản ý chỉ tên sách của Trần Thọ. Do vậy ta cũng có thể hiểu rộng La chính là diễn nghĩa toàn bộ những ghi chép - “chí” về đời Tam Quốc.

bản *Tam Quốc* khắc in dưới thời Minh thấy có hai chữ “án Giám” - tức dựa theo *Tư Trị Thông Giám*. Đó không đơn giản chỉ là chuyện giới xuất bản lúc đó muốn dùng danh tiếng tác phẩm của Tư Mã Quang để “tiếp thị” cho *Tam Quốc*. Ngay từ 1934, Tôn Khải Đệ, một trong những bậc tiên phong trong nghiên cứu *Tam Quốc* đã từng nói “*Tam Quốc Diễn Nghĩa* dẫn dụng sử tịch, đại để dựa nhiều ở *Tư Trị Thông Giám*”⁽⁶⁾. Về sau các học giả Trung Quốc cũng đã thừa nhận trong một thời gian dài đã không chú ý lắm đến ảnh hưởng của *Tư Trị Thông Giám* đối với *Tam Quốc*. Một tác phẩm chính sử khác, bộ *Thông Giám Cương Mục* của Chu Hy cũng là nguồn tham khảo cho *Tam Quốc*. Các mối liên hệ tương tác giữa thoại bản, giảng sử, chuyện kể dân gian về đề tài *Tam Quốc* và kì thư *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của văn nhân tài tử đương nhiên còn phức tạp hơn.

Sách cổ *Đông Kinh Mộng Hoa Lục* (Mạnh Nguyên Lão) thường nhắc đến nghệ nhân thuyết thoại cùng chuyện “thuyết tam phân”, chuyện “thuyết ngũ đại sử”. Trong thơ Lí Thương Ân đời Đường thấy có câu “*Hoặc hươc Trương Phi hồ, hoặc tiểu Đặng Ngải ngật*” (Lúc nhạo râu xồm Trương Phi, khi cười Đặng Ngải nói lấp).⁽⁷⁾ Dù thấy giảng sử đề tài *Tam*

Quốc đã lưu truyền từ lâu trong dân gian. Chuyện *Tam Quốc* đem diễn trong Nguyên khúc (kịch đời nguyên) đương nhiên cũng bắt nguồn từ đó. Thế nhưng các thoại bản chuyện *Tam Quốc* tương đối cổ hiện đã thất truyền. Nay chỉ còn duy nhất bản *Toàn Tướng Tam Quốc Chí Bình Thoại* là bản Tân An Ngu Thị khắc in dưới thời Nguyên niên hiệu Chí Trị. Bộ bình thoại này chia ba quyển thượng, trung, hạ. Mỗi quyển lại phân thành thượng, hạ hai phần (phần thượng in tranh, phần hạ là chính văn). Nội dung quá nửa khác với chính sử, văn chương thô giản, kém xa *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Nhiều người cho rằng đó là căn cứ chứng minh *Tam Quốc Chí Bình Thoại* có trước và là nguồn tham khảo kế thừa của *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, chứ không thể là một bản *Tam Quốc* ra đời sau hay tồn tại song song cùng bản *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Dù sao *Tam Quốc Chí Bình Thoại* cũng được xem là đại biểu xứng đáng nhất cho thoại bản giảng sử đời Nguyên. Bộ bình thoại này tổng cộng khoảng 80000 chữ (*Tam Quốc Diễn Nghĩa* dung lượng 800000 chữ, gấp mười lần *Tam Quốc Chí Bình Thoại*). Tôn Khải Đệ trong bài “*Tam Quốc Chí Bình Thoại* và *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa*” (*Văn Sử*, quyển 1, kì 2, tháng 6/1934) cho rằng quyển sau có ý thức gia công tái dụng nguồn đề tài lấy từ quyển trước theo cách có chỗ thì cụ thể hoá ra, có chỗ thì chuốt gọn hoặc hiệu đính lại, có chỗ thì tăng bổ thêm. Như ta thấy, việc đó sau này lại được cha con Mao Luân-Mao Tôn Cương thực hiện trở lại đối với *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* để ấn định một bản *Tam Quốc* thông hành nhất cho đến nay - bản *Tam Quốc Diễn Nghĩa*⁽⁸⁾. Liên quan đến bản *Toàn Tướng Tam Quốc Chí Bình Thoại*, Lỗ Tấn có nói thêm như sau:

Tước đài kia khóa nhị Kiều//Gió đông chẳng giúp chằng Chu, Thi Đài Chim Sẻ hai Kiều khóa xuân).

⁽⁸⁾ Họ Mao tự mình nói rõ nội dung công việc tu định nhuận sắc *Tam Quốc* trong *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa phạm lệ*. Lỗ Tấn từng tổng kết về công việc đó của họ Mao trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* (Đệ thập tứ thiên - *Nguyên Minh truyền lai chi giảng sử*), Bách Hoa văn nghệ xuất bản xã, 2002.

⁽⁶⁾ Tôn Khải Đệ, “*Tam Quốc Chí bình thoại* và *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa*”, đăng trên *Văn Sử*, quyển 1, kì 2, tháng 6/1934.

⁽⁷⁾ Câu đó tả cảnh tuồng diễn tích *Tam Quốc* thời Đường. Các nhà nghiên cứu căn cứ vào đó phỏng đoán mức độ phổ biến của chuyện *Tam Quốc* cũng như thái độ cởi mở của người đời Đường trong tiếp nhận chuyện *Tam Quốc*, khác với sau này khi các khuynh hướng đạo đức trang nghiêm phân biệt Lưu Tào như là chính thống và phản tặc đã thành tâm lí chung. Thơ Đường viết về chuyện *Tam Quốc* còn có thể kể đến *Thực tướng (Thừa tướng nhà Thực)* vịnh Khổng Minh của Đỗ Phủ: *Tam cố tân phiến thiên hạ kế, Lương triều khai tế lão thần tâm. Xuất sư vị tiếp thân tiên tử, Trường sử anh hùng lệ mãn khâm* (Ba lần đến với hồi kế sách bình thiên hạ, Hai triều sáng nghiệp tấm lòng của lão thần. Sự nghiệp chừa thành quân sư đã sớm mất, Mãi khiến cho bậc anh hùng tiếc thương lệ đầm vạt áo). *Xích Bích* của Đỗ Mục có câu: *Đông phong bát dữ Chu lang tiện, Đông Tước xuân tâm toả nhị Kiều* (tạm dịch: Gió Đông ví chẳng giúp Công Căn, Đông

“Thuyết thoại nhân đời Tống, diễn kể tiêu thuyết và giảng sử đều có nhiều bậc cao thủ (tên họ có thấy ghi trong *Mộng Lương Lục* và *Võ Lâm Cựu Sự*), thế nhưng không nghe nói có trước tác gì. Đời Nguyên loạn lạc, văn hoá trầm luân thì đã không nói gì nữa rồi. Nhật Bản nội các vẫn khổ lưu giữ năm loại bình thoại do họ Ngu đất Tân An khắc in thời Nguyên, niên hiệu Chí Trị (1321–1323). Năm loại gọi là bản in *Toàn Tướng* (giống như cái gọi là tú tượng toàn đồ ngày nay) đó là: *Võ Vương phạt Trụ thư*, *Lạc Nghị Đồ Tề Thất Quốc Xuân Thu hậu tập*, *Tần tính Lục Quốc*, *Lã Hậu trăm Hàn Tín Tiên Hán thư tục tập*, *Tam Quốc Chí*. Mỗi sách ba quyển (Diêm Cốc Ôn, *Quan vu Minh đích tiểu thuyết “Tam ngôn”*, sách *Tư Văn*, đệ bát biên đệ lục hiệu)⁽⁹⁾.”

Đời Minh Vạn Lịch (1573-1620) xuất hiện nhiều bản khắc in *Tam Quốc Chí Truyện*, trong đó có cả chuyện Quan Tả con Quan Vũ. Các bản *Tam Quốc Chí Truyện* này bảo tồn một số đặc điểm của thoại bản Tống-Nguyên. Giữa các bản *Tam Quốc* trong nhóm gọi là *chí truyện* với các bản *Tam Quốc* trong nhóm gọi là *diễn nghĩa* có sự khác nhau về một số tình tiết, lời văn. Khác biệt lớn nhất là các bản *Tam Quốc Chí Truyện* có thêm chuyện Quan Tả (con thứ Quan Công).

Có thể là cuối Nguyên đầu Minh đã xuất hiện *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* của La Quán Trung. La chủ yếu sử dụng tài liệu chính sử mà Trần Thọ chép trong *Tam Quốc Chí* (bản chú giải của Bùi Tùng Chi). La cũng thu dùng tích chuyện Tam Quốc từ thoại bản giảng sử lưu truyền trong dân gian và bảo lưu trong hí khúc. *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* bản khắc in năm đầu tiên đời Minh Gia Tĩnh (Gia Tĩnh nguyên niên - tức Nhâm Ngọ, 1522, gọi tắt là Gia Tĩnh bản). Sách chia 24 quyển gồm 24 thiên, mỗi thiên có một câu thất ngôn làm đầu đề. Đầu sách có lời tựa đề năm thứ bảy (1494) đời Hoàng Trị (1488-1505) của

Đường Ngu Tử (hiệu của Trương Đại Khí). Bản khắc in này được xem là gần nhất với nguyên tác La Quán Trung, “Lời văn viết không quá khó, lời thoại không quá nôm na” (Đường Ngu Tử)⁽¹⁰⁾. *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* Gia Tĩnh bản là bản in được cho là cổ nhất truyền đến ngày nay. Về điểm này không ngại tham khảo thêm Lỗ Tấn:

“*Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* của La Quán Trung bản cổ nhất nay còn thấy được là bản khắc in năm Giáp Dần (1494) niên hiệu Hoàng Trị đời Minh. Toàn sách 24 quyển, chia 24 hồi (thường gọi *chiết*, khác với đơn vị *hồi* về sau trong thuật ngữ *chương hồi* hợp nhất hai *chiết* dưới một đề mục đối ngẫu hai câu trong *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, bản tu định của Mao Tôn Cương - LTT), ngoài đề “Tân Bình Dương Hầu Trần Thọ sử truyện, hậu học La Bản Quán Trung biên thứ”. Khởi kể từ Hán Linh Đế - Trung Bình nguyên niên với chuyện “Tế thiên địa đào viên kết nghĩa”, kết ở chuyện “Vương Duệ kế thủ Thạch Đầu thành” đời Tấn Võ Đế - Thái Khang nguyên niên, cả thảy 97 năm (Công nguyên 184-280) đều là chuyện thực⁽¹¹⁾.”

Đương nhiên về sau còn xuất hiện rất nhiều các bản khắc in *Tam Quốc* khác. Số quyển cũng như hồi mục và các bài thơ, bài từ có dẫn trong sách của các bản in đó cũng khác nhau. Nhìn chung các bản khắc in khác nhau đó thường là những bản ghép 240 thiên cũ thành 120 hồi với hồi mục ghép 240 phân câu tiêu đề của 240 thiên cũ lại mà thành 120 cặp câu đối ngẫu.

Ngoài ra các bản in nhan đề *Lí Trác Ngô tiên sinh phê bình Tam Quốc Chí*, *Lạp Ông bình duyệt hội tượng Tam Quốc Chí* đệ nhất tài

⁽⁹⁾ Lỗ Tấn, *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* (Đệ thập tứ thiên - Nguyên Minh truyền lai chí giảng sử), Bách Hoa văn nghệ xuất bản xã, 2002.

⁽¹⁰⁾ Xin xem *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* tự. Đường Ngu Tử tức Trương Đại Khí. Ấn phẩm *Tam Quốc* có in bài *Tựa* của Trương rất hiếm, tốt nhất xem bài tựa đó trong Chu Nhất Huyền, *Tam Quốc Diễn Nghĩa tư liệu hội biên*, Bách hoa văn nghệ xuất bản xã, bản in 1983, tr.270. Trong bài *Tựa*, Trương nói rõ tên sách của La Quán Trung là *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* (nguyên văn: “Mục chi viết *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa*. Văn bất thậm thâm, ngôn bất thậm tục,...”).

⁽¹¹⁾ Lỗ Tấn, *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, Bách Hoa xuất bản xã, 2002.

từ thư có lẽ là những bản khắc in kèm bình điểm đã qua tu chỉnh của các văn nhân thời Minh mạt. Thời Minh mạt xuất hiện bản in *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* đề “Lí Trác Ngô bình điểm”. Bản có lời bình của Lí Trác Ngô này đem 240 thiên hợp lại thành 120 hồi. Nhưng ngay từ thời Minh cũng đã có tài liệu cho rằng bản này là của Diệp Trú thác danh Lí Trác Ngô (Tiền Hi Ngôn, *Hí Hà*).

Đến thời Thanh Khang Hi (1662-1723), cha con Mao Luân-Mao Tôn Cương tu định toàn sách, nhuận sắc một lượt lời văn, đem hồi mục chỉnh thành cặp câu đối ngẫu. Họ Mao chấp nhận trạng thái 120 hồi của bộ sách, chủ yếu gia công nhuận sắc trên các mặt như hồi mục, tình tiết, diễn đạt văn từ. Cuối mỗi hồi đều thêm lời bình điểm. Đây chính là *Đệ nhất tài tử thư Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* giản xưng *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (Bản này gồm 60 quyển, 120 hồi). *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* bản tu nhuận bình điểm của họ Mao trở thành bản thông hành nhất cho đến hôm nay. Các bản in tốt nhất ngày nay (Nhân dân văn học xuất bản xã, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã) đều lấy bản này làm gốc. Các bản dịch *Tam Quốc* tại Việt Nam do vậy cũng đều dựa vào bản này⁽¹²⁾.

(12) Về vấn đề các bản dịch *Tam Quốc* tại Việt Nam xin xem, chẳng hạn: Nhan Bảo, *Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đối với văn học Việt Nam* (in trong *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc tại Á châu*, Claudine Salmon biên soạn, Trần Hải Yến dịch. Nxb.KHXH, 2004). Mục 4 bài này - *Thư mục tạm thời các dịch phẩm tiểu thuyết bình dân Trung Quốc sang chữ Quốc ngữ* liệt kê cho ta thấy cho đến 1952, *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* đã được dịch và xuất bản ở Việt Nam bảy lần. Lần sớm nhất là bản dịch của Nguyễn Liên Phong, Nguyễn An Cư xuất bản ở Sài Gòn, 1907. Thống kê này cũng cho thấy, bản dịch của Phan Kế Bính & Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản đến ba lần (ở Hà Nội, 1909~1918; in lần thứ tư ở Sài Gòn, 1928; cũng ở Sài Gòn, 1949). Ngoài ra còn có bản dịch Đinh Gia Hân (Cảnh Viêm) & Vũ Giáp, xuất bản ở Hải Phòng, 1928-1930; Bản dịch Nghiêm Xuân Lâm, xuất bản ở Hà Nội, 1931-1932; Bản dịch Hiên Lương, xuất bản ở Hà Nội, 1934-1935; Bản dịch Vũ Hi Tô, xuất bản ở Hà Nội, 1937 và bản dịch Hồ Hải Lăng Nhân, xuất bản ở Paris, 1952. Tất cả các bản dịch đều đề *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* và đều dịch từ bản Hán văn nhan đề *Tam Quốc*

Lỗ Tấn giới thiệu cô đọng *Tam Quốc* bản Mao Tôn Cương:

“Từ sau đời Hoàng Trị, các bản khắc in *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* rất nhiều. Chỉ nói riêng thời Minh, đến nay vẫn chưa có thể thống kê được cả thấy có mấy loại bản khắc in (cụ thể hơn xin xem Trịnh Chân Đạc: “*Diễn biến văn bản Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*” đăng trên số 10, quyển 20, *Tiểu thuyết nguyệt báo*). Đến đời Khang Hy, Mao Tôn Cương (người Mậu Uyển, tự Tự Thủy) theo lối Kim Thánh Thán phê cải *Thủy Hử Truyện* và *Tây Vương Kí*, mang *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* cụ bản sửa đổi một lượt. Mao tuyên bố bản của mình là bản cổ vừa tìm được, mang ra khắc in kèm lời bình và gọi là “Thánh Thán ngoại thư”. Từ đó các bản khắc *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* cũ không còn tiếp tục lưu hành nữa. Đại phạm những chỗ mà Mao Tôn Cương tu định đều có thể theo dõi được theo trật tự nhất định. Chung quy công việc của nhà bình điểm có thể nhóm lại theo ba mối. *Một là* cải sửa. Chẳng hạn cụ bản hồi 159 *Phế Hiến Đế Tào Phi thoán Hán*⁽¹³⁾ vốn nói chuyện Tào hậu vào hùa anh mình (vợ vua Hiến Đế là em của Tào Phi-LTT) ruồng bỏ Hán Hiến Đế, Mao Tôn Cương sửa thành chuyện hoàng hậu bệnh nhà Hán chỉ trích anh trai Ngụy Vương. *Hai là* tăng bổ. Ví dụ cụ bản hồi 167 *Tiên chủ dạ tẩu Bạch Đế Thành*⁽¹⁴⁾ vốn không nói gì đến

Chí Diễn Nghĩa. Ở đây như ta thấy, đề mục chỉ là “thư mục tạm thời” và dường như cũng chỉ là thống kê đến mốc 1952. Ta đều biết sau đó *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* còn nhiều lần xuất bản khác ở cả hai miền Nam Bắc. Hiện các nhà sách trên toàn quốc thấy bày các bản dịch sau: 1. *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (trọn bộ ba tập), Phan Kế Bính dịch, Bùi Kĩ - Lê Huy Tiêu hiệu đính, Nxb.Văn học, 2004. 2. *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (trọn bộ 2 tập), nguyên tác La Quán Trung, lời bình Mao Tôn Cương, dịch thuật Từ Vi Lang, Nxb.Văn hoá Thông tin, 2006. Xuất bản lần đầu năm 1969, nhà in Á Châu, Sài Gòn. 3. *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (hai tập), nguyên tác La Quán Trung, lời bình Mao Tôn Cương, dịch thuật Mộng Bình Sơn, Nxb.Văn hoá Thông tin.

(13) Tức thành nửa đầu hồi 80 bản Mao Tôn Cương. Mao cũng sửa mục đề trên thành *Tào Phi phế đế thoán Viêm Lưu*.

(14) Tức thành phần sau hồi 80 trong Mao bản. Mao bỏ đề mục trên của La bản.

Tôn phu nhân, Mao Tôn Cương thêm vào đoạn “Tôn phu nhân đang ở nước Ngô biết chuyện Thục quân binh bại ở Hào Đình, nghe ngoa đồn tiên chủ chết trận bên sông (15), trông vờ về phía tây mà khóc, rồi lao mình xuống sông tự trầm”(16) *Ba là lược bỏ*. Chẳng hạn, hồi 205 *Không Minh hoả thiêu một san trại* vốn có chuyện lúc Không Minh thiêu Tư Mã Ý ở hang Thượng Phương muốn thiêu cả Ngụy Diên hoặc hồi 234 *Gia Cát Chiêm đại chiến Đặng Ngải* có chuyện Đặng Ngải gửi thư mong hàng, Chiêm xem xong hồ nghi, con trai trách cứ, mới quyết liều chết mà đánh... tất cả đều không còn thấy trong bản của Mao Tôn Cương nữa. Ngoài ra thuộc về tiểu tiết thì có các việc như sửa đổi hồi mục, tu chính văn từ, cắt bỏ luận tán, thêm bớt tình tiết, thay sửa thơ văn được dẫn...”(17).

Như vậy nhìn chung các học giả đều nhất trí cho rằng điều đáng nói nhất trong việc nhuận sắc, tu định *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* của Mao là tinh lược những chỗ rườm rà, cắt bỏ những chỗ thừa lặp. Chúng tôi phân tích một dẫn chứng nhỏ để đọc giả hình dung công việc của Mao Tôn Cương. *Tam cố thảo lư* (hồi 37) kể chuyện Lưu Bị nghe Hoàng Thừa Ngạn ngâm thơ tưởng nhầm người ngâm là Không Minh:

*Nhất dạ bắc phong hàn,
Vạn lí đồng vân hậu;
Trường không tuyết loạn phiêu,
Cải tận giang san cựu.
Ngưỡng diện quan thái hư,
Nghị thị ngọc long đầu;
Phân phân lân giáp phi,
Khoảnh khắc biến vũ trụ.
Kị lư quá tiểu kiêu,
Độc thán mai hoa sáu.*

(15) Lỗ Tấn dẫn thành “đưa quân đến bên sông”, có lẽ ông đã nhầm.

(16) Lỗ Tấn chỉ dẫn đến đây. Như ta đọc thấy đoạn thêm này còn tiếp như sau: “Người đời sau lập miếu thờ bên bờ sông, gọi là Khiêu Cơ Từ. Có thơ than rằng: *Tiên chủ bình quy Bạch Đế Thành, Phu nhân vãn nạn độc quyền sinh. Chí kim giang bạn di bia tại, Do trước thiên thu liệt nữ danh*”.

(17) Lỗ Tấn, *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, Bách Hoa xuất bản xã, 2002.

(Diễn nghĩa: Thâu đêm gió bắc lạnh, Vạn dặm mây giăng dày; Bờ bờ hoa tuyết bay, Nước non hình sắc đổi. Ngửa mặt trông vũ trụ, Tường rồng chọi trên mây; Vây mai bay tới tả, Chốc lát phủ khắp trời. Cưỡi lừa qua cầu nhỏ, Than vì khóm mai gầy.)

Bài thơ làm độc giả cảm được cảnh cô tịch thanh hàn của Ngoạ Long Cương giữa vãn vũ phong vân của thời cuộc. Đặt trong diễn biến của câu chuyện lớn toàn sách càng thấm được tác dụng hoạ long điểm nhãn của bài thơ trong tự sự của tiểu thuyết. Ta không thể đọc “riêng” bài thơ này như trong một thi tập thi tuyển đơn thuần được. Tình tiết ngâm bài thơ cấp cho ta bối cảnh trực tiếp để hiểu bài thơ – cái bối cảnh giống như bao bối cảnh khác được dựng lên cho mỗi thi tác trong các *thi thoại* Trung Hoa. Huống nữa, cho đến khi đọc xong bộ tiểu thuyết, bài thơ đương nhiên lại còn được đưa vào trong một bối cảnh tiếp nhận lớn hơn(18). Tương tác liên văn bản (intertualité) giữa bài thơ và trần thuật của tiểu thuyết là hết sức phức tạp. Nói điều này ở đây chẳng qua là để thấy được những vi tế trong công việc gia công tiểu thuyết của Mao Tôn Cương mà thôi. Nguyên trong bản Gia Tĩnh bài này dài hơn hai câu xếp ở vị trí câu 9,10:

*Bạch phát ngân ti ông,
Khí cụ hoàng thiên lậu.
(Ông già tóc tơ bạc,
Há sợ trời cao đột.)*

Bản thân câu thơ không phải là không hay. Thế nhưng hàm ý tả trời mưa trong câu đặt vào trong bài lại đâm mâu thuẫn với ý đầy trời gió tuyết bay vừa nói ở đầu bài. Căn bản hơn, phong cách của thơ cổ bộc lộ ở chỗ cái tôi chủ thể trữ tình không hay thể hiện mình như một đối tượng đang bị miêu tả. Trong bài thơ từ đầu đến cuối chỉ nên tồn tại một chủ thể đang cảm thụ cảnh tuyết bay mây cuốn, chủ thể đó nhất quán một niềm cảm xúc, bộc lộ bóng dáng

(18) Xin nhấn mạnh, đọc một tác phẩm tức là *đọc lại* trong khi vẫn đang *đọc đi*. Không bao giờ mà ta đứng là đang đọc một cái gì “tuyệt đối mới”, bởi vì mỗi một cá nhân người đọc luôn ở trong - tạm gọi, một *văn hoá quyền* nhất định nào đó.

mình một cách gián tiếp, ngay cả khi đang miêu tả chính mình: *Cười lừa qua cầu nhỏ, Than vì khóm mai gầy*. Chính người cười lừa đó miêu tả, xúc cảm trước mọi thứ mà ông ta nói thành lời thơ chứ không phải là một nhân vật bị chủ thể trữ tình-nhà thơ miêu tả như là một phần của bức tranh thơ. Thành thử hình ảnh kèm phán đoán tâm lí *Ông già tóc như tơ bạc, Há sợ trời cao dột* tỏ ra không ăn nhập với chính thể trữ tình toàn bài. Mao Tôn Cương có thể không ý thức tự giác như thế, nhưng trực cảm thơ ca cũng như óc tự sự đã giúp ông cắt bỏ đúng phần “thừa”.

Phần lớn các bản thời Minh mặt miễn cưỡng giữ nguyên bài thơ, nhưng cũng có bản khắc phục bằng cách đổi câu 10 *Khí cụ hoàng thiên lậu* thành *Thịnh cảm hoàng thiên hựu* (ơn sâu trời độ trì). Thế nhưng đến lượt câu này lại rời rạc với ý “rồng đầu” ở đầu bài và “mai gầy” ở cuối bài. Cuối cùng đến lượt Mao Tôn Cương, ông đã dứt khoát cắt bỏ hai câu đó. Bài thơ trở nên thuần khiết và kết khớp hơn với không khí câu chuyện⁽¹⁹⁾.

Như vậy ta thấy quá trình thành sách kinh qua cả nghìn năm tạm tính từ *Tam Quốc Chí* (Trần Thọ, Tấn) qua *thoại bản giảng sử* Tống-Nguyên đến *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa* (La Quán Trung, Minh) tạm dừng⁽²⁰⁾ ở

⁽¹⁹⁾ Bản dịch *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* của Từ Vi Lang (Nxb.Văn hóa thông tin, 2006) có phiên âm Hán Việt bài thơ trên. Bài dịch thơ về cơ bản giống với bài dịch thơ trong bản dịch *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của Mộng Bình Sơn (cũng Nxb.Văn hóa thông tin, 2006). Cả hai nơi đều đảo chỗ câu 7 câu 8 thành ra: *Cả bầu trời trắng xoá, Tua tua vẩy rồng bay*. Câu 4 đều dịch *giang sơn* thành *non sông*. *Non sông* trong tiếng Việt thường dùng theo nghĩa bóng, trong lúc nguyên văn *giang sơn* chỉ có ý chỉ thực núi và sông sau gió tuyết. Thêm nữa, Bản Mộng Bình Sơn bỏ mất “mai” ở câu cuối, dịch thành “*Thương tiếc khóm hoa gầy*”. “*Thương tiếc*” ngụ ý khóm hoa đã mất, lại thêm không nói rõ hoa mai thành thử mất đi ý vị khóm mai cần nở hoa giữa đông tuyết. Ở đây chúng tôi noi theo bản dịch *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của Phan Kế Bính (Nxb.Văn học, 2004), chỉ thay đổi vài chỗ cần thiết. Chẳng hạn không nói “*Muôn dặm mây đờ ỏi*”, vì “*đờ ỏi*” xét riêng quá có nghĩa “*đờ ỏi*”, nhưng trong “*đờ ỏi vân*” thì thường chỉ hiện tượng mây đen thường hay giăng dày trước lúc trời tuyết.

⁽²⁰⁾ Chúng tôi nói “tạm dừng” là vì như đã nói từ đầu, cần phải có một hình dung tự sự Tam Quốc như một hiện

Tam Quốc Diễn Nghĩa (Mao Tôn Cương, Thanh) làm tác phẩm này trở thành một hiện tượng văn hoá đặc sắc trong lịch sử văn học Trung Quốc. Hiện tượng đó cũng cho ta thấy những nét riêng của truyền thống văn chương Trung Hoa trong đối sánh với truyền thống văn học phương Tây chẳng hạn. *Tam Quốc* là ví dụ tuyệt vời cho mối tương tác hết sức phức tạp giữa chính sử, dã sử, văn học viết hư cấu, văn chương dân gian và sinh hoạt văn hoá bình dân diễn ra trong một truyền thống văn hoá lớn - truyền thống Trung Hoa kéo dài qua bao thời đại.

Người Trung Hoa ví các tác phẩm văn chương bất hủ như mặt trăng mặt trời trường tồn cùng sông núi. Tự sự Tam Quốc có thể nói cũng như nhật nguyệt treo cao. Trong đêm dài hay ngày sáng của văn hóa một dân tộc, chúng mãi mãi còn soi chiếu cho nhau. Việc cô lập thời gian hay tách rời từng loại thể, loay hoay với công việc khảo chứng thuần túy cũng giống như khen sao này sáng, sao kia mờ, bóng sáng mặt trăng tuyệt hơn ánh chói của mặt trời vậy. Cần có một nhãn quan rộng rãi hơn để có thể tiếp cận được hoàn toàn hiện tượng sáng tác Tam Quốc trong bối cảnh đất trời văn hóa Trung Hoa. Đây cũng chính vấn đề mà chúng tôi đã đặt ra ngay từ đầu trong đầu đề bài viết này - hình dung sáng tác Tam Quốc như một tự sự liên loại thể. Cả từ *tự sự* và *loại thể* ở đây luôn được hiểu theo nghĩa rộng, nó có thể chỉ bất cứ dạng “văn bản” nào miễn là đang chuyển tải thông tin về đề tài Tam Quốc đến cho ta trong tính cách là kẻ tiếp nhận văn hóa nghe-đọc-xem.

2007-2009

tượng văn hóa phong phú. Ngày nay, đề tài Tam Quốc vẫn đang được tiếp tục trong văn hóa nghe nhìn từ phim truyền hình, truyện tranh, quảng cáo, các phiên bản game cho đến việc tổ chức-xây dựng các khu tham quan du lịch, các thắng cảnh, di tích Tam Quốc... Cao nhĩ có, giải trí tầm thường có, quả như cách nói của người Trung Quốc – “sinh sinh bất tức” (sinh sôi nảy nở không ngừng)! Âu cũng là một “đệ nhất kì sự” vậy.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tôn Khải Đệ, *Tam Quốc Chí* bình thoại dũ *Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa*, Văn Sử, quyển 1, kì 2, 6/1934.
- [2] Trần Thọ, *Tam Quốc Chí* (Bùi Tùng Linh chú), Trung Hoa thư cục, 1959.
- [3] Lỗ Tấn, *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, Bách Hoa văn nghệ xuất bản xã, 2002.
- [4] La Quán Trung, *Tam Quốc Diễn Nghĩa* (thượng hạ quyển), Nhân dân xuất bản xã, 2004.
- [5] La Quán Trung, *Tam Quốc Diễn Nghĩa* (ba tập), Phan Kế Bính dịch, Bùi Ki-Lê Huy Tiêu hiệu đính, Nxb.Văn học, 2004.
- [6] La Quán Trung, *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (2 tập), lời bình Mao Tôn Cương, dịch thuật Từ Vi Lang, Nxb.Văn hoá Thông tin, 2006.
- [7] La Quán Trung, *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (hai tập), lời bình Mao Tôn Cương, dịch thuật Mộng Bình Sơn, Nxb.Văn hoá Thông tin, 2006.
- [8] Claudine Salmon biên soạn, *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc tại Á châu*, Trần Hải Yến dịch, Nxb.KHXH, 2004.
- [9] Trần Lê Bảo, Đặc điểm kết cấu *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* của La Quán Trung, Luận án tiến sĩ Ngữ Văn, Trường ĐHSPHN.
- [10] Chu Nhất Huyền, *Tam Quốc Diễn Nghĩa tư liệu hội biên*, Bách hoa văn nghệ xuất bản xã, 1983.

The summary of works on the topic of Three Kingdoms - The inter-genre first-person narration

Le Thoi Tan

*Training Department, Vietnam National University, Hanoi
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract. “Three Kingdoms” (a term referring to all types of story-telling texts engraved in wood blocks relating to the Three Kingdoms period) is a wonderful example for the extremely complicated interaction of history written by the imperial court, chronicle, fictional literature in written type, folk literature and common culture activities in a grand cultural tradition – the Chinese tradition over the periods of history. The result of that interaction is The San Guo Yan Yi’s Novel. The summary of works in the form of first-person narration on the topic of Three Kingdoms can only be better written when we see all those works as one **big inter-genre first-person narration**. Both the terms first-person narration and genre are seen in their broad sense as any types of texts as long as they carry information on the topic of the Three Kingdoms which we can obtain as listeners, readers and viewers.

Key Words : “Three Kingdoms”, the inter-genre first-person narration, intertextuality.